



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN NGÀY

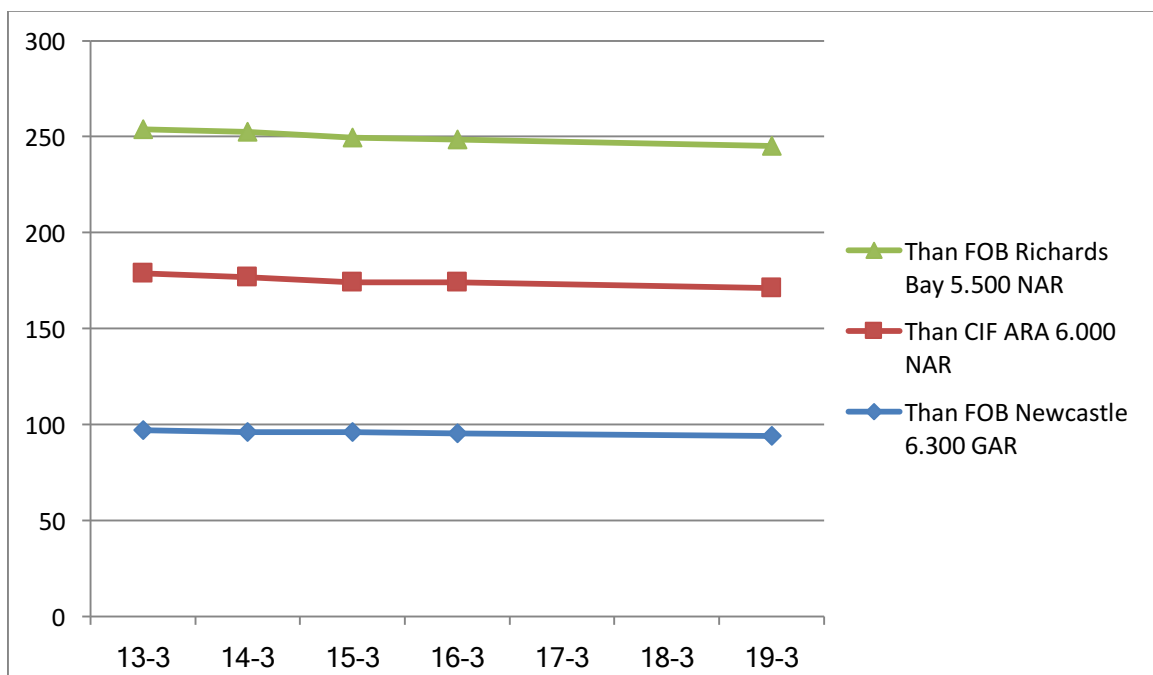
Ngày 20/03/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	94,00	-1,30	92,50	-2,20
CIF ARA 6.000 NAR	77,20	-1,70	78,40	-1,20
FOB Richards Bay 5.500 NAR	73,80	-0,60	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	82,00	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	67,35	-0,15

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	53,00	+0,00	391,18	+0,55
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	76,30	-0,25	563,14	-1,06
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	82,00	-0,20	605,22	-0,62

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 19/03/2018)

ĐIỂM TIN

Giá than Australia giao lẻ trên thị trường than nhiệt Châu Á tiếp tục giảm

Giá than giao lẻ trên thị trường Châu Á hôm thứ 2 đã giảm xuống bằng với mức tháng 12 năm 2017, do khách hàng Trung Quốc đứng ngoài thị trường và các bên khác đang chờ đợi kết quả đàm phán giá than tại Nhật Bản. Đến cuối phiên giao dịch trên sàn globalCOAL ngày hôm qua, đã có 2 giao dịch mua than Australia 6.000 kcal/kg NAR, trong đó 1 giao dịch mua 25.000 tấn giao tháng 5 và 1 chuyển giao tháng 6 với giá lần lượt là 93,45 USD/tấn và 92,05 USD/tấn. Trong khi đó vào ngày 9/3, 25.000 tấn than 6.000 kcal/kg NAR, giao tháng 6 đã được giao dịch qua globalCOAL với giá 94,95 USD/tấn, FOB Newcastle.

Trong tình hình này, các cuộc đàm phán đang tiếp tục diễn ra ở Tokyo giữa công ty than Australia và nhà máy điện Nhật Bản, nhằm thỏa thuận về giá than trong hợp đồng năm 2018, bắt đầu từ ngày 1 tháng 4. Một công ty cho biết giá có thể dao động trong khoảng 100 USD/tấn. Một công ty khác cho biết phía Nhật Bản đang đề xuất các cách tính giá khác nhau và tìm kiếm thêm các nguồn cung cấp khác để giảm thiểu rủi ro từ Australia. Nhật Bản đang chuyển từ các hợp đồng giá cố định để chuyển sang dựa vào các chỉ số giá. Hiện tại nhu cầu trên thị trường Châu Á cho than Australia độ tro cao vẫn ở mức thấp, giá thầu và giá chào than Australia 5.500 kcal/kg NAR lần lượt ở mức 82 và 85 USD/tấn, điều kiện CFR Nam Trung Quốc hôm thứ 6 tuần trước. Các công ty than Australia có thể sẽ phải chuyển hướng tập trung vào nhu cầu trong nước khi các nhà máy điện tại đây đang chạy hết công suất.

Giá thầu mua than Indonesia giảm

Trong ngày thứ 2, giá đề xuất của khách hàng Ấn Độ mua than Indonesia 5.100 kcal/kg GAR, lưu huỳnh 1,2% giao tháng 4 trên tàu Panamax ở mức 69 USD/tấn FOB, đồng thời giá chào cho than Indonesia 5.000 kcal/kg GAR giao tháng 4 trên tàu Supramax ở mức 67,5 - 68 USD/tấn FOB Kalimantan. Giá thầu giảm qua từng ngày với tốc độ rất nhanh. Khoảng cách giữa giá thầu và giá chào cho than Indonesia là rất lớn, nhu cầu mua than thấp và thường nhằm mục đích thăm dò thị trường. Một chuyển hàng than Indonesia 4.200 kcal/kg GAR giao tháng 4 trên tàu Supramax đã được chào với giá 45 - 45,50 USD/tấn FOB. Một công ty Singapore cho biết: “Rất nhiều công ty mua than khi giá tăng đang bán ra trước cả khi có hàng để giao. Các công ty than cũng đang gặp khó khăn trong việc định giá chào hàng của mình”. Ngoài ra điều kiện thanh toán bằng L/C được quy định chặt chẽ cũng khiến cho nhiều khách hàng Ấn Độ chần chừ. Họ mong muốn ngân hàng và người bán đưa ra các điều kiện đơn giản hơn.

Tuyến đường sắt chở than lớn nhất Trung Quốc sẽ đi vào hoạt động từ năm 2019

Theo thông tin từ China Youth Online, tuyến đường sắt nội địa Mông Cổ - Giang Tây, tuyến đường sắt chở hàng dài nhất Trung Quốc, đã bắt đầu lắp đặt đường ray từ ngày thứ 7 (17/3). Đây sẽ là tuyến đường sắt dài nhất được sử dụng để chuyên chở than trên khắp Trung Quốc, bắt đầu từ Tây Nội Mông và kết thúc ở trung tâm tỉnh Giang Tây, miền Đông Trung Quốc, đi qua 7 tỉnh, với 80 trạm dọc theo tuyến đường. Tuyến đường sắt dài 1.837 km dự kiến sẽ vận chuyển khoảng 200 triệu tấn than mỗi năm. Đây là 1 dự án lớn được thực hiện nhằm đáp ứng chiến lược quốc gia của Trung Quốc về vận tải than Bắc - Nam. Tuyến đường sắt được khởi công vào năm 2015 và dự kiến sẽ hoàn thành vào tháng 12 năm sau.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	7,30	+0,00
	Queensland	Nhật Bản	8,50	+0,00
	New South Wales	Hàn Quốc	9,05	+0,00
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	13,80	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,70	+0,05

Richards Bay	Đông Ấn Độ	14,00	+0,00
Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,30	+0,05
Úc	Trung Quốc	13,00	+0,00
Úc	Ấn Độ	14,50	+0,15

(Nguồn: *Platts Coal Trader International* – Số liệu ngày 19/03/2018)